

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 889/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc
thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,
UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-BVHTTDL ngày 25/2/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-BVHTTDL ngày 25/2/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 639/TTr-SVHTTDL ngày 01/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI				
I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (05 TTHC)									
1. Lĩnh vực Mỹ thuật (01 TTHC)									
1	BVH-BTN-278801	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	06 ngày	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở VH TT & DL.	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ.	Mã số TTHC cũ là BTN-261892
2. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (01 TTHC)									
1	BVH-BTN-278903	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	08 ngày	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.	- Tại các thành phố trực thuộc Trung ương và tại các	- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ.	

						- Cơ quan giải quyết: Sở VH TT&DL.	thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.	- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16/12/2009 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ.	
3. Lĩnh vực Quảng cáo (03 TTHC)									
1	BVH- BTN- 278915	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh	09 ngày	Mức độ 2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.	Mã số TTHC cũ là

		<p>ngiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam</p>				<p>Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở VHTT&DL, UBND tỉnh.</p>		<p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ.</p>	<p><i>BTN</i> 261964</p>
2	<p>BVH-BTN-278919</p>	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>09 ngày</p>	<p>Mức độ 2</p>	<p>Có</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở VHTT&DL, UBND tỉnh.</p>	<p>1.500.000 đồng/Giấy phép</p>	<p>- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT- BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL.</p>	<p><i>Mã số</i> <i>TTHC</i> <i>BTN</i> 261965</p>

								<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ. 	
3	BVH-BTN-278921	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	09 ngày	Mức độ 2	Có	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở VHTT&DL, UBND tỉnh. 	1.500.000 đồng/Giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ. 	Mã số <i>THC</i> cũ là <i>BTN</i> 261966

PHẦN B: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI				
I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (01 TTHC)									
1. Lĩnh vực Văn hóa (01 TTHC)									
1	BVH-BTN-278924	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	07 ngày	Mức độ 3	Có	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thành phố, thị xã: + Từ 01 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. + Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng: 2.000.000 đồng /phòng. - Tại các huyện: 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16/12/2009 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ VHTTDL. 	

							<p>+ Từ 01 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng /giấy.</p> <p>+ Từ 6 phòng trở lên: 6.000.000 đồng /giấy.</p> <p>- Đối với các trường hợp các cơ sở đề nghị tăng thêm phòng: 1.000.000 đồng/phòng.</p>	<p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	---